

Số: 13/2024/QĐST-LĐ

TP. Thái Bình, ngày 05 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hương.

Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Ông Bùi Quốc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 12/2024/TLST-VLĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 14/2024/QĐ-MPH ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên họp số 20/2024/QĐ-MPH ngày 29 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc lao động: Chị **Trịnh Thị M**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. **Công ty TNHH M1.**

Địa chỉ: lô L khu công nghiệp N, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.
Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Ngọc K, sinh năm: 1971.

2.2. **Bảo hiểm xã hội tỉnh T.** Địa chỉ: Số G, đường L, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T.

2.3 Chị **Trịnh Thị N**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn Ô, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự đều vắng mặt và đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai người yêu cầu, chị Trịnh Thị M trình bày:* Từ tháng 10/2005 đến tháng 03/2009, chị Trịnh Thị M ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1 (sau đây gọi tắt là Công ty), do khi đó chị chưa đủ tuổi tuyển dụng vào làm tại Công ty nên khi ký hợp đồng lao động với Công ty, chị M đã mượn giấy tờ (chứng minh thư nhân dân) của chị Trịnh Thị N để ký hợp đồng. Mặc dù trên thực tế chị M là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty nhưng trên hợp đồng lao động giữa chị M và Công ty, người lao động tên là Trịnh Thị N và S bảo hiểm xã hội của chị M đóng thời gian này mang tên Trịnh Thị N, số sổ BHXH 2607008670. Đến hết tháng 03/2009 chị và Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động. Đến nay chị M yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị (mang tên Trịnh Thị N) và Công ty TNHH M1 trong thời gian từ tháng 10/2005 đến tháng 03/2009 là vô hiệu do có sự lừa dối khi ký hợp đồng và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật đề nghị Tòa án điều chỉnh tên Trịnh Thị N trên sổ Bảo hiểm xã hội số sổ BHXH 2607008670 thành Trịnh Thị M sinh ngày 14/10/1990.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty TNHH M1 trình bày:* Tại thời điểm tháng 10/2005 đến tháng 03/2009, Công ty TNHH M1 có ký kết Hợp đồng lao động với chị Trịnh Thị N. Do hiện nay người lao động đã nghỉ việc tại công ty trên 10 năm, đã vượt quá quy định về thời gian lưu giữ hồ sơ nên hiện tại phía công ty không còn lưu trữ Hợp đồng lao động của công nhân trên để cung cấp cho Tòa án theo như yêu cầu. Về số tiền BHXH, BHYT, BHTN Công ty TNHH M1 đã đóng cho chị Trịnh Thị N trong thời gian từ tháng 10/2005 đến tháng 03/2009 là 7.804.509 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 5.752.9777 đồng, người lao động đóng 2.051.532 đồng. Trong thời gian làm việc tại Công ty chị N làm công nhân may, điều kiện làm việc bình thường, thời gian làm việc theo quy định của pháp luật, không độc hại, nguy hiểm. Công ty và chị N thực hiện đúng quy định về lao động.

Việc chị M mượn căn cước công dân của chị N để ký kết hợp đồng lao động với công ty, công ty không biết. Công ty chưa bao giờ ký kết hợp đồng lao động với chị Trịnh Thị M. Đối với yêu cầu của chị M, Công ty đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội tỉnh T cung cấp:* Chị Trịnh Thị N, sinh ngày 30/7/1986 số BHXH số 2607008670 có thời gian đóng BHXH, BHYT là 3 năm 6 tháng (từ tháng 10/2005 đến tháng 03/2009) và 3

tháng tham gia BHTN (từ tháng 01/2009 đến tháng 3/2009) tại Công ty TNHH M1 do BHXH tỉnh quản lý thu). Tổng số tiền BHXH, BHYT, BHTN đã đóng là 7.804.509 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 5.752.977 đồng, người lao động đóng 2.051.532 đồng. Thời gian này, chị Trịnh Thị N chưa hưởng chế độ BHXH một lần và trợ cấp thất nghiệp. BHXH tỉnh không có hồ sơ tham gia cũng như không thu BHXH, BHYT, BHTN thời gian từ tháng 10/2005 đến tháng 03/2009 tại Công ty TNHH M1 đối với chị Trịnh Thị M, sinh năm 1990. Chị Trịnh Thị N, sinh ngày 30/7/1986 có thời gian đóng BHXH, BHYT là 9 năm 5 tháng (từ tháng 11/2005 đến tháng 04/2015) và 5 năm 10 tháng (từ tháng 01/2009 đến tháng 4/2015) tham gia BHTN tại Công ty TNHH P, do BHXH tỉnh quản lý thu trên sổ BHXH số 2606003141.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Trịnh Thị N trình bày:* Năm 2005, chị Trịnh Thị M có mượn căn cước công dân của chị ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1 và có đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty mang tên chị là Trịnh Thị N từ tháng 10/2005 đến tháng 3/2009. Lúc đó chị đang làm việc tại Công ty TNHH P có địa chỉ tại khu công nghiệp P và có tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2005 đến tháng 04/2015. Vì vậy chị Trịnh Thị N đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa chị Trịnh Thị M mang tên Trịnh Thị N và Công ty TNHH M1 trong thời gian từ tháng 10/2005 đến tháng 03/2009 là vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các chị.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:* Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình căn cứ vào các Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị M, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH M1 và chị Trịnh Thị N (do chị Trịnh Thị M ký) trong thời gian từ tháng 10/2005 đến tháng 03/2009 là vô hiệu. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền (Bảo hiểm xã hội tỉnh T) để được điều chỉnh thông tin và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội. Chị M phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1 có địa chỉ tại thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vì vậy Tòa án thành phố T, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét thấy việc chị Trịnh Thị M mượn giấy tờ (chứng minh thư nhân dân) của chị Trịnh Thị N để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1 là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Trịnh Thị M là phù hợp pháp luật và cần được chấp nhận tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH M1 và chị Trịnh Thị N (do chị Trịnh Thị M ký) trong thời gian từ tháng 10/2005 đến tháng 03/2009 là vô hiệu.

[3]. Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký hợp đồng lao động giữa chị Trịnh Thị M (Hồ sơ mượn tên chị Trịnh Thị N) với Công ty TNHH M1 nhưng trên thực tế chị M có làm việc tại Công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc Công ty có đóng bảo hiểm cho chị M (mang tên chị N, sổ bảo hiểm số 2607008670. Do vậy các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền (Bảo hiểm xã hội tỉnh T) để được điều chỉnh thông tin và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội. Trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của C thì đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án hành chính khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372, khoản 1 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị M: Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH M1 và chị Trịnh Thị N (do chị Trịnh Thị M ký) trong thời gian từ tháng 10/2005 đến tháng 03/2009 là vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền (Bảo hiểm xã hội tỉnh T) để được điều chỉnh thông tin và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội. Trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của C thì đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án hành chính khác.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Trịnh Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001317 ngày 02/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Trịnh Thị M, chị Trịnh Thị N, Bảo hiểm xã hội tỉnh T, Công ty TNHH M1 có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định này.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Hương